PHỤ LỤC DỰ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 650 /QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

ĐVT: Đồng.

STT	Nội dung	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế	Ghi chú
I	**Chi phí trang thiết bị và thuyết minh cơ sở tính toán các chi phí**		**16,241,112,021**	**301,452,000**	**16,542,564,021**	
	Chi phí phần mềm nội bộ		9.632.962.021		9.632.962.021	Theo báo giá đơn vị thấp nhất của đơn vị cung cấp trên thị trường, trên cơ sở tính giá theo Quyết định 671/QĐ-BTTTT ngày 26/4/2024 (Khoản 4, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)
	Chi phí thiết bị, phần mềm thương mại		6.608.150.000	301.452.000	6.909.602.000	Theo báo giá thấp nhất của đơn vị cung cấp trên thị trường (Khoản 4, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)

II	**Chi phí quản lý (Gqlda)**		**130.000.000**	**10.400.000**	**140.400.000**	Theo báo giá đơn vị tư vấn (Khoản 5, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)
III	**Chi phí tư vấn (Gtv)**	Gtv = Gtv1 + Gtv2 + Gtv3 + Gtv4 + Gtv5	**360.500.000**	**28.840.000**	**389.340.000**	
1	Chi phí tư vấn lập BCKTKT	Gtv1	120.000.000	9.600.000	129.600.000	Theo báo giá đơn vị tư vấn (Khoản 5, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)
2	Chi phí thẩm tra báo cáo KTKT	Gtv2	32.100.000	2.568.000	34.668.000	Theo báo giá đơn vị tư vấn (Khoản 5, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)
3	Chi phí tư vấn lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu	Gtv3	80.000.000	6.400.000	86.400.000	Theo báo giá đơn vị tư vấn (Khoản 5, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)
4	Chi phí thẩm định HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	Gtv4	53.400.000	4.272.000	57.672.000	Theo báo giá đơn vị tư vấn (Khoản 5, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)
5	Chi phí giám sát công tác triển khai	Gtv5	75.000.000	6.000.000	81.000.000	Theo báo giá đơn vị tư vấn (Khoản 5, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)

IV	**Chi phí khác (Gk)**	**Gk**	**419.380.822**	**8.360.000**	**427.740.822**	
1	Chi phí thẩm định giá	Gk1	83.600.000	8.360.000	91.960.000	Theo báo giá đơn vị tư vấn (Khoản 5, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)
2	Chi phí kiểm thử phần mềm	Gk2	335.780.822	0	335.780.822	Theo báo giá đơn vị tư vấn (Khoản 5, điều 16, Nghị định 45/2025/NĐ-CP ngày 26/01/2026)
V	**Chi phí dự phòng (Gdp)**	**Gdp**		**0**	**0**	
	Tổng cộng	**Gdv+ Gqlda+ Gtv+Gk+Gdp**	**17.150.992.843**	**349.052.000**	**17.500.044.843**	
	Tổng cộng (làm tròn)				**17.500.000.000**	